

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/DS-ST
Ngày: 28-8-2020.
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng C. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc. Địa chỉ: 169 phố L, phường H, quận M, HN. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kha M, chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện HN (Giấy ủy quyền số 510/UQ-NHCS ngày 27/8/2020). Địa chỉ: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1 Anh Trần Vũ P, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

2.2 Ông Trần Văn G, sinh năm 1961. Địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

2.3 Bà Phan Thị M, sinh năm 1965. Địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

2.4 Anh Trần Vũ H, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

2.5 Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2020, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Kha M, trình bày:

Ngày 22/12/2011 ông Trần Văn G đại diện hộ gia đình vay tiền tại Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện HN (viết tắt là Ngân hàng), thuộc chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (vay cho anh Trần Vũ H đi học), số tiền vay mỗi năm học là 10.000.000đ đến ngày 14/10/2014 tổng số tiền vay là 41.500.000đ, theo mã món vay 6000005100218509, lãi suất 6,6%/năm, hạn trả cuối cùng là ngày 06/5/2020, tiền lãi tính đến ngày 06/4/2020 là 21.029.652đ. Trong quá trình vay vốn thì hộ ông G đã trả lãi được số tiền là 13.146.772đ tiền lãi còn nợ 7.882.880. Trong quá trình khởi kiện thì anh P có nộp lãi thêm cho Ngân hàng số tiền là 400.109đ. Hiện khoản vay học sinh sinh viên còn nợ số tiền gốc 41.500.000đ, tiền lãi 7.482.771đ.

Ngày 11/9/2015 anh Trần Vũ P đại diện hộ gia đình vay tiền tại Ngân hàng số tiền gốc là 6.000.000đ, thuộc chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, theo mã món vay số 6600000705485643, lãi suất 9%/năm, hạn trả cuối cùng là ngày 06/9/2020, quá trình vay thì hộ anh P đều nộp lãi hàng tháng đầy đủ và trong quá trình khởi kiện tại Tòa án thì hộ anh P đã thanh toán xong khoản vay này, hiện không còn nợ nữa.

Ngày 06/4/2017 anh Trần Vũ P đại diện cho hộ gia đình tiếp tục vay tại Ngân hàng số tiền gốc là 30.000.000đ, thuộc chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo, theo mã món vay 6600000709985656, lãi suất 8,25%/năm, hạn trả cuối cùng là ngày 06/4/2022. Tiền lãi từ ngày vay đến ngày 06/4/2020 là 7.401.744đ trong quá trình vay hộ anh P nộp lãi với số tiền là 3.840.800đ còn nợ lãi 3.403.750đ. Món vay này tuy chưa đến hạn trả nợ nhưng hộ anh P không trả tiền gốc mỗi kỳ 12 tháng là 6.000.000đ và hàng tháng cũng không đóng lãi cho Ngân hàng đầy đủ. Tuy nhiên trong quá trình khởi kiện thì anh P có nộp lãi thêm được 658.740đ. Hiện còn nợ tiền gốc là 30.000.000đ, tiền lãi tạm tính đến nay 06/4/2020 là 2.745.010đ.

Như vậy, hộ ông Trần Văn G gồm ông Trần Văn G, anh Trần Vũ P, anh Trần Vũ H, bà Phan Thị M, chị Nguyễn Thị Đ còn nợ Ngân hàng C 02 khoản vay gồm học sinh sinh viên còn nợ số tiền gốc 41.500.000đ, tiền lãi 7.482.771đ và khoản vay hộ mới thoát nghèo gốc là 30.000.000đ, tiền lãi là 2.745.010đ. Tổng cộng 81.727.781đ. Nay Ngân hàng C xã yêu cầu anh Trần Vũ P, bà Phan Thị M, ông Trần Văn G, chị Nguyễn Thị Đ, anh Trần Vũ H có trách nhiệm liên đới trả cho

Ngân hàng số tiền vay còn nợ: Tiền gốc: 71.500.000đ, tiền lãi 10.227.781đ. Tổng cộng 81.727.781đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo các món vay 6000005100218509, 6600000709985656 cho đến khi nào trả nợ xong.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn anh Trần Vũ P, ông Trần Văn G, bà Phan Thị M, anh Trần Vũ H, chị Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh P, ông G, bà M, anh H, chị Đ vẫn không có mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/7/2020 bị đơn bà Phan Thị M trình bày: Gia đình bà có vay tiền của Ngân hàng C. Không nhớ cụ thể thời gian vay và từng khoản vay chỉ biết hiện còn nợ tiền gốc là 77.500.000đ, tiền lãi 11.331.630đ. Tổng cộng 88.831.630đ. Trong đó, vay chương trình học sinh sinh viên gốc 41.500.000đ, lãi đến ngày 06/4/2020 là 7.882.880đ, tiền vay nước sạch vệ sinh môi trường gốc là 6.000.000đ, tiền lãi đến ngày 06/4/2020 là 45.000đ, tiền vay hộ thoát nghèo gốc là 30.000.000đ, tiền lãi là 3.403.750đ. Trong thời gian Ngân hàng khởi kiện thì ngày 05/7/2020 bà có đóng lãi được 1.000.000đ. Ngoài ra, trước đó bà cũng đều đóng lãi hàng tháng còn đối với số tiền vay nước sạch vệ sinh môi trường bà vừa trả được 3.000.000đ chỉ còn nợ 3.000.000đ tiền gốc. Đối với khoản vay hộ mới thoát nghèo thì chưa đến hạn trả. Trước đó, bà không có đóng lãi cho Ngân hàng do đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh nhưng khoảng 01 năm nay bà thường xuyên đóng lãi hàng tháng. Tổng cộng đến hôm nay thì bà còn nợ Ngân hàng tiền gốc là 74.500.000đ, tiền lãi là 10.738.890đ. Gia đình bà thống nhất trả số tiền vay còn nợ trên cho Ngân hàng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả dần cho Ngân hàng. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc các bị đơn anh Trần Vũ P, ông Trần Văn G, bà Phan Thị M, anh Trần Vũ H, chị Nguyễn Thị Đ liên đới trả tiền cho Ngân hàng C số tiền vay gốc lãi còn nợ là 81.727.781đ và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng vay cho đến khi nào trả nợ xong.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, yêu cầu anh Trần Vũ P, ông Trần Văn G, bà Phan Thị M, anh Trần Vũ H, chị Nguyễn Thị Đ trả tiền vay còn nợ

và anh P, ông G, bà M, anh H, chị Đ hiện cư trú tại khóm 1, thị trấn T, huyện HN nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Trần Vũ P, ông Trần Văn G, bà Phan Thị M, anh Trần Vũ H, chị Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh P, ông G, bà M, anh H, chị Đ vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh P, ông G, bà M, anh H, chị Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Kha M yêu cầu anh Trần Vũ P, ông Trần Văn G, bà Phan Thị M, anh Trần Vũ H, chị Nguyễn Thị Đ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền vay gốc còn nợ 71.500.000đ, tiền lãi 10.227.781đ là có căn cứ để chấp nhận. Vì, tại biên bản lấy lời khai thì bị đơn bà Phan Thị M đã thừa nhận còn nợ tiền Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện HN và thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Do anh Trần Vũ P, ông Trần Văn G, bà Phan Thị M, anh Trần Vũ H, chị Nguyễn Thị Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử, buộc anh Trần Vũ P, ông Trần Văn G, bà Phan Thị M, anh Trần Vũ H, chị Nguyễn Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền vay còn nợ gốc 71.500.000đ, tiền lãi 10.227.781đ. Tổng cộng 81.727.781đ và tiếp tục trả lãi theo các khế ước đã vay số 6000005100218509, 6600000709985656 cho đến khi nào trả nợ xong là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trần Vũ P, ông Trần Văn G, bà Phan Thị M, anh Trần Vũ H, chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 4.086.000đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C.

Buộc anh Trần Vũ P, ông Trần Văn G, bà Phan Thị M, anh Trần Vũ H, chị Nguyễn Thị Đ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền vay còn nợ là 81.727.781đ (Tám mươi một triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi một đồng).

Bà anh Trần Vũ P, ông Trần Văn G, bà Phan Thị Mỹ, anh Trần Vũ H, chị Nguyễn Thị Đ tiếp tục trả lãi theo các khế ước vay số số 6000005100218509, 6600000709985656 cho đến khi nào trả nợ xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Trần Vũ P, ông Trần Văn G, bà Phan Thị M, anh Trần Vũ H, chị Nguyễn Thị Đ chịu 4.086.000đ (Bốn triệu không trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thùy Dung